

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TP VŨNG TÀU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 13/5/2025

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU**  
**TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Hiếu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Ngô Thị Thúy Hảo

2. Ông Hà Văn Trường

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đậu Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân TP. Vũng Tàu

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Hiền - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 680/2024/TB-TLVA- HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2024 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2025/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2025/QĐST-HPT ngày 21 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* bà Đỗ Thị Bích V, sinh năm 1975

*Bị đơn:* ông Lê Thảo N, sinh năm 1979

Cùng địa chỉ đăng ký thường trú: số A đường C, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Cùng địa chỉ cư trú: số A đường C, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

(Bà V có mặt, ông N vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - bà Đỗ Thị Bích V trình bày:*

Bà V và ông N kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn tại U, TP ., theo Giấy chứng nhận kết hôn số 21, quyển số 01/2009 do U, TP . cấp ngày 17/02/2009. Hôn nhân tự nguyện, không do mai mối, ép buộc.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Mâu thuẫn gia đình phát sinh từ lâu do ông N không có trách nhiệm với gia đình, đi làm nhưng không có thu nhập để chăm lo cho gia đình, bên cạnh đó còn gây ra nợ nần. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng dẫn đến vợ chồng tuy sống chung nhà nhưng không còn quan tâm, chăm sóc nhau, mạnh ai nấy sống. Sau nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng không có kết quả, nay bà V không còn tình cảm với ông N nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông N.

Về con chung: bà V và ông N có 01 con chung là cháu Lê Phương D, sinh ngày 23/01/2011. Cháu D có nguyện vọng sống cùng mẹ, bà V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông N cấp dưỡng tiền nuôi con 3.000.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản, nợ chung: bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn – ông Lê Thảo N được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do nên không ghi nhận được ý kiến.*

*Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ đương sự. Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: bà V và ông N là vợ chồng có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Qua xác minh thu thập chứng cứ và trình bày của đương sự, được biết: Quá trình chung sống, vợ chồng bà V, ông N thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông N không chăm lo cho gia đình, hiện nay ông N thỉnh thoảng bỏ nhà đi xong lại quay về. Bà V cho rằng vợ chồng không còn khả năng hàn gắn tình cảm nên yêu cầu được ly hôn, ông N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ yêu cầu đến Tòa án để hòa giải, giải quyết yêu cầu ly hôn nhưng vắng mặt không rõ lý do, điều đó chứng tỏ ông N không có mong muốn hàn gắn, đoàn tụ để cùng xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà V.

Về con chung: theo bà V trình bày và cung cấp hồ sơ thì bà V và ông N có 01 con chung là cháu Lê Phương D, sinh ngày 23/01/2011. Cháu D có đã lời khai tự nguyện sống cùng mẹ, bà V cũng có mong muốn được trực tiếp nuôi con đến

khi trưởng thành nên đề nghị chấp nhận giao con chung cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Cháu D hiện đang học cấp 2 nên việc bà V yêu cầu ông N cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp quy định của luật hôn nhân gia đình về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con khi ly hôn nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu nên đề nghị HĐXX không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

Bà Đỗ Thị Bích V khởi kiện vụ án “Ly hôn” với ông Lê Thảo N, bà V và ông N đều có địa chỉ và hiện đang sinh sống tại thành phố V nên đây là vụ án “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông N được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt ông N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: bà Đỗ Thị Bích V và ông Lê Thảo N kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn tại U, TP ., theo Giấy chứng nhận kết hôn số 21, quyển số 01/2009 do U, TP . cấp ngày 17/02/2009, hôn nhân tự nguyện, không do mai mối, ép buộc, nên là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà V, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh trong thời gian dài do ông N thiếu trách nhiệm của người chồng, người cha, không chăm lo đời sống kinh tế gia đình, đi làm không có tiền đưa về mà còn gây ra nợ nần để bà V phải trả nợ thay. Mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến bà V không còn tình cảm với ông N và mong muốn được ly hôn. Về phía ông N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ yêu cầu đến Tòa án để hòa giải, giải quyết yêu cầu ly hôn nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Điều đó chứng tỏ ông N không có mong muốn hàn gắn để vợ chồng đoàn tụ cùng xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc. Qua xác minh tại địa phương nơi bà V, ông Nguyễn sinh S được biết, gia đình bà V ông N thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã, thỉnh thoảng ông N bỏ nhà đi một thời gian rồi lại quay về.

Như vậy mâu thuẫn hôn nhân giữa bà V, ông N là có thật; Thấy rằng quan hệ hôn nhân phải được xây dựng và nuôi dưỡng trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng cùng nhau vun đắp để xây dựng đời sống chung hạnh phúc. Tuy nhiên, nay bà V nhất quyết yêu cầu ly hôn, ông N không có thiện chí hàn gắn để đoàn tụ, do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V về việc xin ly hôn với ông N.

[2.2] Về con chung: bà V và ông N có 01 con chung là cháu Lê Phương D, sinh ngày 23/01/2011. Cháu D có đã lời khai tự nguyện sống cùng mẹ, bà V cũng có mong muốn được trực tiếp nuôi con đến khi trưởng thành. Do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V, nguyện vọng của cháu D và đề xuất của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, giao con chung là cháu D cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Cháu D hiện đang học cấp 2 nên việc bà V yêu cầu ông N cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp quy định của Luật hôn nhân gia đình về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con khi ly hôn, mức cấp dưỡng 3.000.000đ/tháng là phù hợp với mức sống trung bình trên địa bàn thành phố V, do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V về cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Đỗ Thị Bích V phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà V đã nộp.

Ông Lê Thảo N phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban T về Án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Bích V

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Đỗ Thị Bích V được ly hôn với ông Lê Thảo N.

2. Về con chung: bà V và ông N có 01 (một) con chung là cháu Lê Phương D, sinh ngày 23/01/2011. Giao cháu D cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ông N cấp dưỡng tiền nuôi con 3.000.000đ/tháng (ba triệu đồng/một tháng) cho đến khi con chung đủ 18.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con, người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn thực hiện theo Điều 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Án phí ly hôn: bà Đỗ Thị Bích V phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà V đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0004652 ngày 26/11/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Vũng Tàu, như vậy bà V đã nộp xong án phí.

Án phí cấp dưỡng: ông Lê Thảo N phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

5. Quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

*Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Đương sự;

TP.VT;

Phường 12, thành phố Vũng Tàu;

HS, VT.

- UBND

- VKSND TP. Vũng Tàu;

- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh BR-VT;

**Phạm Thị Hiếu**

